

MỘT ĐẤT NƯỚC, HAI TÂM HỒN?

KHÁC BIỆT VÙNG MIỀN TRONG VĂN HOÁ VIỆT HẬU THỐNG NHẤT



Một người miền Bắc lần đầu vào Sài Gòn có thể thấy người ta nói năng bỗ bã, ăn mặc thoải mái, sống nhẹ như mưa bụi. Một người Nam ra Hà Nội, bối rối với những “đạ – vâng – anh – chị – em – cháu – cô – chú – bác – thưa – gửi” lắt léo như mê cung. Họ đều ở Việt Nam. Nhưng có lúc, họ không nghĩ vậy.

Sau gần nửa thế kỷ thống nhất, người Việt vẫn chia hai trong ngôn ngữ, giao tiếp, tư duy, quan niệm sống, và đôi khi, trong niềm tin. Đó không chỉ là sự khác biệt vùng miền thông thường, mà là một khoảng cách tinh thần, có khi sâu hơn cả một đường biên giới. Bài viết này không nhằm phán xét, cũng không muốn làm trầm trọng thêm chia rẽ. Nó là một cuộc chiếu đèn thẳng thắn và nhân văn vào một hiện thực thẳm lặng: ***Thống nhất đất, chưa thống nhất lòng.***

Sự khác biệt giữa người Bắc và người Nam không phải là chuyện mới sau năm 1975. Nó là kết quả của những tầng lớp lịch sử chồng lên nhau, qua các đợt di cư, chiến tranh, thay đổi chính thể, và va đập văn hóa kéo dài hàng thế kỷ.

Miền Nam, vùng đất của sự khai phóng. Từ thế kỷ 17, những cư dân miền Trung vào Nam khai hoang vùng đất mới không vua chúa, không nghi lễ khắt khe. Họ sống linh hoạt, phóng túng, khoan dung, thực tế, và nhẹ nhõm.



Miền Bắc, vùng đất của thiết chế và nghi lễ. Là trung tâm của các triều đại phong kiến, miền Bắc phát triển một văn hóa giàu tính quy phạm, lễ nghĩa, và đề cao trật tự.



Từ 1954–1975, hai miền phát triển theo hai hệ tư tưởng. Miền Bắc sống dưới mô hình XHCN tập thể hóa; miền Nam sống theo kinh tế thị trường, truyền thông tư nhân, ảnh hưởng phương Tây. Hai thể hệ lớn lên trong hai nhịp tim văn hóa khác nhau và vết rạn ấy chưa bao giờ lành hoàn toàn.

Người Bắc quen nói vòng, nói khéo, “ý tại ngôn ngoại” điều quan trọng thì giấu trong lớp sương mù lịch thiệp.

Người Nam nói thẳng, nói thật, chêm “trời đất ơi”, “muốn xui” như kiểu trò chuyện bên quán cóc, cởi mở và đầy biểu cảm.

Sự khác biệt này không xấu. Nó phản ánh hai truyền thống:

Miền Bắc, tư duy Khổng học, trọng thứ bậc.

Miền Nam, tư duy khai phóng, dân dã, và bình dân.

Một người Bắc ngạc nhiên khi được hỏi: “Chú ăn cơm chưa?” không biết là người Nam đang thể hiện sự quan tâm và gọi chú để thể hiện sự thân mật. Người Bắc lại nghĩ là chú em nên khó chịu.

Một người Nam bối rối khi nghe một cuộc trò chuyện toàn “dạ vâng ạ” mà vẫn... chưa hiểu ý chính nằm ở đâu.

Người Bắc: thành công là có chức, có bằng, có quan hệ trong hệ thống.

Người Nam: thành công là sống thoải mái, kiếm được tiền, có bạn, có niềm vui.

Ở miền Bắc, “cháu ông nọ”, “con bà kia” có thể là tấm thẻ bảo hành xã hội. Ở miền Nam, người ta quý “thằng đó tự thân mà lên, giỏi thiệt”.

Người Bắc chọn nhà nước làm trung tâm an toàn. Người Nam chọn tiệm nước, chợ búa, phố phường làm nơi sinh sống, giao dịch.

Cả hai đều phản ánh những chiến lược sinh tồn hợp lý nhưng va chạm nhau khi cùng chen vào không gian chung mà không hiểu bản đồ của người kia.

Chúng ta không đánh nhau, không cãi nhau nhưng lại có hàng ngàn va chạm thầm lặng mỗi ngày:

Hôn nhân Bắc – Nam: bắt đầu từ cách xưng hô đến cách dạy con.

Đồng nghiệp: người thì cho rằng “làm việc phải chuẩn mực”, kẻ khác lại muốn “thoải mái, miễn xong việc”.

Hội đồng hương, nơi người ta né xung đột bằng cách... rủ nhau về đúng “phe mình”.

Nguy hiểm hơn cả là những kỳ thị không tên, kiểu:

*“Dân Bắc vào hay giành việc.
Dân Nam chỉ giỏi ăn chơi.”*

Những định kiến ấy, khi lặp đi lặp lại, trở thành bức tường vô hình chắn giữa những con người cùng quốc tịch, cùng tổ tiên, cùng một ngôn ngữ (mà hóa ra không cùng cách nói).

Có những câu nói tưởng chừng vô thưởng vô phạt nhưng lại phản ánh cả một hệ hình tư duy xã hội.

Ví dụ câu quen thuộc nơi miền Bắc: “Mày biết bố mày là ai không?”

Không chỉ là sự phô trương quyền lực kiểu gia trưởng, thiếu văn hoá, trịch thượng mà còn ẩn chứa tinh thần tôn ti, thứ bậc, và quan hệ bảo kê, vốn ăn sâu trong xã hội lấy “địa vị làm thước đo”.

Người miền Nam, vốn sống trong môi trường cởi mở hơn, nghe câu ấy sẽ ngó người ra: “Ừa, ủa, sao biết bố mày là ai?”

Hay như chiếc nón cối, một vật dụng quá quen thuộc với cán bộ miền Bắc sau 1954, vào Nam lại trở thành biểu tượng khó chịu. Bởi vì với nhiều người miền Nam, nón cối từng gắn với hình ảnh của sự kiểm soát, khẩu hiệu, mệnh lệnh và... tem phiếu, là sự thống trị và một thời kỳ nghèo đói, thiếu thốn khó quên.

Nó không còn là cái nón, mà là một ký ức.

Những hình ảnh như vậy không phải để phân biệt, mà để hiểu rằng: Có những đồ vật, ngôn từ, cách nói... mang theo ký ức tập thể mà mỗi miền gánh mang một cách rất khác nhau. Và khi chúng ta bỏ qua ý nghĩa biểu tượng trong lịch sử người kia, chúng ta dễ giẫm lên những vết thương mà mình không nhìn thấy.

Để giải quyết tình trạng này cố gắng không đồng hóa, chỉ cần thấu hiểu. Không cần phải giống nhau. Chỉ cần không chèn ép nhau khi khác nhau.

Thông nhất không phải là cùng ăn một món, nói cùng một kiểu, mặc cùng một đồng phục. Thông nhất là: Biết người kia đang nói theo ngữ pháp vùng miền của họ.

Biết “bổ bã” chưa chắc là vô lễ.

Biết “nói khéo” chưa chắc là thủ đoạn.

Chúng ta không cần một “tiêu chuẩn văn hóa Việt thống nhất”, điều đó chỉ làm nghèo đi bản sắc. Chúng ta cần học cách dịch tâm hồn nhau, như người học ngoại ngữ, không phải để sửa lỗi, mà để đọc được tình cảm qua khác biệt.

Ngoài những lý do trên, còn có lý do chính trị

Không phải chỉ vì ngôn ngữ, món ăn hay cách xưng hô mà người Việt hai miền có lúc thấy “lạ” nhau. Còn một tầng sâu hơn, âm ỉ hơn: vết thương chính trị chưa bao giờ lành hẳn.

Người miền Nam, hoặc đúng hơn là một phần lớn người từng sống trong thể chế Việt Nam Cộng Hòa, có lý do để không xem “giải phóng” là giải phóng.

Với họ, 30/4/1975 không hẳn là ngày độc lập, mà là ngày mất mát. Không chỉ mất chính quyền, mà mất cả nếp sống, sách vở, trí nhớ tập thể. Những tiệm sách bị đốt. Hàng ngàn văn hoá phẩm bị tiêu huỷ.

Nhiều cửa hiệu, doanh nghiệp bị tịch thu.

Những viên chức, quân nhân chế độ cũ bị đi “học tập cải tạo”. Hàng trăm người đã chết nơi rừng sâu, nước độc vì thiếu ăn và bệnh tật.

Những gia đình bị đưa đi “kinh tế mới”, rời thành thị về rừng sâu.

Những người bị gán “lý lịch xấu”, và từ đó con cái không thể vào đại học, không được làm công chức.

Biết bao nhiêu gia đình bị ly tán, biết bao nhiêu người bỏ mình nơi biên sâu trong hành trình vượt biển.

Đó không chỉ là chính sách, mà là những hình phạt tinh thần kéo dài cả thế hệ.

Và trong khi ấy, một số người miền Bắc tin rằng họ đang làm “sứ mệnh cách mạng”, mang ánh sáng chủ nghĩa xã hội vào miền Nam.

Cái “ánh sáng” ấy, với người bên kia, có khi chỉ là đèn dầu soi tem phiếu.

Chúng ta không cần phải thống nhất quan điểm lịch sử. Nhưng cần thống nhất ở một điều: lắng nghe nỗi đau của nhau.

Khi người miền Bắc nói về “thành tựu thống nhất”, hãy để họ nói.

Khi người miền Nam nhắc lại những mất mát, đừng bảo họ “chống phá” là “phản động”. Bởi im lặng về tổn thương không làm nó biến mất, chỉ khiến nó hóa đá.

Việt Nam là một dải đất dài, nhiều tiếng nói, nhiều tạng khí, và nhiều vết đau lịch sử. Nhưng khi miền Bắc khóc vì miền Trung lũ lụt, miền Nam đau vì Hà Nội dịch giã, đó là lúc tim ta cùng đập.

Một đất nước: nhiều tâm hồn.

Một dân tộc: nhiều bản thể văn hóa.

Và đó không phải là vấn đề.

Miền là chúng ta không khước từ nhau, không ép nhau giống nhau, không coi nhau là lạ.

Thống nhất thật sự không nằm ở bản đồ. Nó nằm ở một khoảnh khắc nhỏ: Khi một người Bắc nghe giọng miền Nam mà mỉm cười. Và một người Nam nghe chất giọng miền Bắc mà thấy... cũng là quê hương mình.

Đỗ Duy Ngọc



nguồn: internet eMail by tqh chuyển

*Đăng ngày Thứ Năm, July 10, 2025
tkd, Khoá 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*